

Số: 101/BC-CTK

Cần Thơ, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Hai và 2 tháng đầu năm 2024

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng 02/2024, tình hình thời tiết thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công tác giám sát, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng được thực hiện thường xuyên, kịp thời và hiệu quả. Ngành nông nghiệp đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi số, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

a) Nông nghiệp

Cây lúa: Lúa đông xuân xuống giống được 72.813 ha, giảm 2,95% hay 2.215 ha so với cùng kỳ năm trước. Lúa đang trong giai đoạn trổ đến chắc xanh, ngành nông nghiệp thường xuyên nhắc nhở bà con nông dân theo dõi tình hình dịch hại, đặc biệt là rầy nâu cuối vụ, rầy phấn trắng, bệnh đạo ôn cổ bông và bệnh cháy bìa lá...

Cây hàng năm khác: Tổng diện tích gieo trồng rau màu, đậu các loại và cây công nghiệp ngắn ngày được 4.003 ha, thấp hơn 567 ha so với cùng kỳ và đã thu hoạch 1.429 ha. Trong đó, rau đậu các loại gieo trồng được 3.140 ha, giảm 15,02% so với cùng kỳ¹; cây ngô gieo trồng được 285 ha, cao hơn 23 ha so với cùng kỳ.

Cây lâu năm: Tổng diện tích cây lâu năm đến tháng 02/2024 đạt 26.523 ha, tăng 2,12% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó diện tích cây ăn quả đạt 25.200 ha, chiếm 95% trong tổng diện tích cây lâu năm, tăng 2,46% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây ăn quả tăng do những năm trước, các quận, huyện được các cấp chính quyền, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ đầu tư để bao khép kín bảo vệ vườn cây ăn quả, vận động nông dân cải tạo vườn tạp và đẩy mạnh chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, màu kém hiệu quả sang phát triển vườn cây ăn quả để tăng thêm hiệu quả kinh tế.

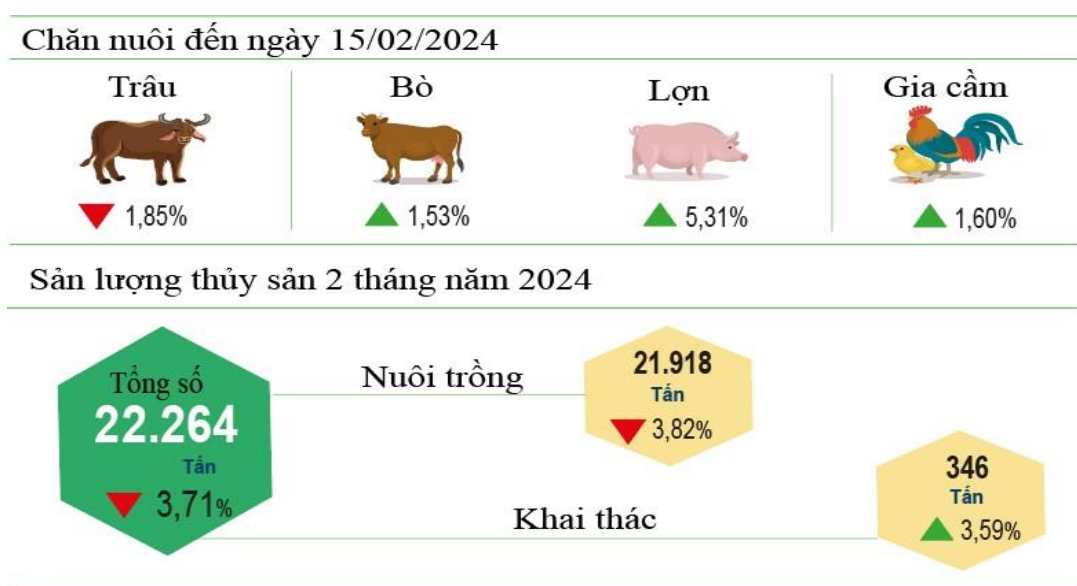
Diện tích cây ăn quả ngày càng mở rộng, hình thành vùng sản xuất tập trung cây ăn quả chủ lực, các sản phẩm đặc trưng có thương hiệu gồm các loại cây trồng như: Dâu Hạ Châu Phong Điền, sầu riêng, xoài Cát Hòa Lộc Sông Hậu, nhãn, vú sữa Phong Điền;... Theo các nhà vườn, giá bán tại vườn trong tháng 02/2024 của nhiều loại trái cây như sau: Xoài cát hòa lộc 60.000 đồng/kg, măng cầu Xiêm 18.000 - 22.000 đồng/kg, xoài đài loan 25.000 đồng/kg, chuối

¹ Cây rau gieo trồng được 2.800 ha thấp hơn so với cùng kỳ 564 ha và đã thu hoạch được 1.257 ha, tập trung tại Ô Môn, Bình Thủy, Phong Điền,...; cây đậu gieo trồng được 340 ha cao hơn so với cùng kỳ 9 ha.

5.000 đồng/kg, Nhãn Ido 16.000 đồng/kg, Thanh nhãn 25.000 đồng/kg, bưởi da xanh loại 1 từ 25.000 - 30.000 đồng/kg, ổi lê đường 6.000 đồng/kg, ổi Ruby 17.000 đ/kg, mận 15.000 đồng/kg, cam sành 8.000 đồng/kg, quýt 18.000 đồng/kg, chanh không hạt 16.000 đồng/kg, dừa (khô) 5.000 đồng/kg; ...

Chăn nuôi: Tại thời điểm tháng 02/2024, đàn trâu 266 con, giảm 1,85% so với cùng kỳ; đàn bò 4.379 con, tăng 1,53% so với cùng kỳ; tổng đàn heo 128.442 con, tăng 5,31% so cùng kỳ; đàn gia cầm 2.090 nghìn con, tăng 1,60% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng/2024, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 7 tấn, giảm 8,75% so với cùng kỳ; sản lượng thịt bò đạt 58 tấn, tăng 7,41%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 3.468 tấn, giảm 2,50% và sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 1.390 tấn, tăng 3,12% so với cùng kỳ.

Hình 1. Tình hình chăn nuôi, thủy sản (So với cùng kỳ năm trước)



b) Lâm nghiệp: Toàn thành phố trồng được khoảng 171 nghìn cây phân tán. Sản lượng gỗ khai thác khoảng 415 m³, giảm 1,19% so với cùng kỳ; củi khai thác 4.913 Ste, giảm 0,95% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng lượng gỗ khai thác khoảng 838 m³, giảm 38,52% so với cùng kỳ; củi khai thác 9.876 Ste, giảm 33,41% so với cùng kỳ năm trước.

c) Thủy sản: Tháng 02/2024, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 2.118 ha, tăng 10,89% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 395 ha, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 16.513 tấn, giảm 5,63% so với cùng kỳ, bao gồm nuôi trồng 16.353 tấn, giảm 5,71% so với cùng kỳ và khai thác 160 tấn, tăng 3,90%. Tính chung 2 tháng năm 2024, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 22.264 tấn, giảm 3,71% so với cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 21.918 tấn, giảm 3,82% và sản lượng thủy sản khai thác 346 tấn, tăng 3,59% so với cùng kỳ.

Hiện nay, giá bán cá tra nguyên liệu dao động 26.500 - 28.500 đồng/kg (kích cỡ 800 g - 1 kg/con) tăng 1.000 - 1.500 đồng/kg so với tháng trước, giá thành bình quân 26.000 - 27.000 đồng/kg do giá thức ăn, giá thuốc chữa bệnh

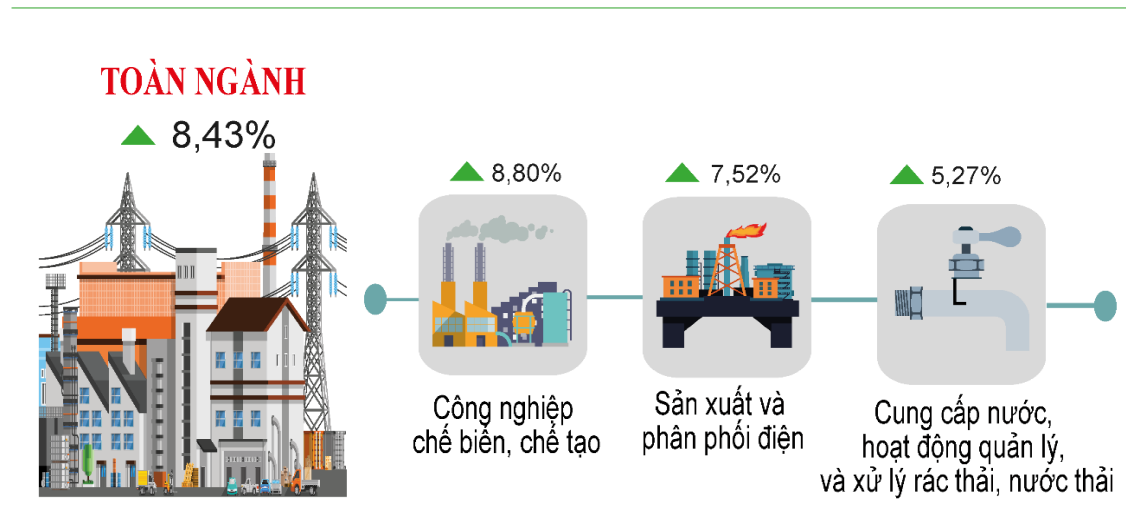
thủy sản tăng cao. Giá cả tra tăng do thị trường quốc tế có tín hiệu khởi sắc trở lại và doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đang trong quá trình khẩn trương hoàn tất các đơn hàng ký kết trước đó.

2. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Hai ước tính giảm 6,88% so với tháng trước (do tháng Hai trùng với tết Nguyên đán nên số ngày làm việc trong tháng ít hơn tháng Một). Các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã hoạt động trở lại sau kỳ nghỉ Tết, nhiều doanh nghiệp có được đơn đặt hàng lớn để sản xuất. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 8,43% so với 2 tháng đầu năm 2023.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 02/2024 ước tính giảm 6,88% so tháng trước và giảm 0,91% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 3,59%; sản xuất và phân phối điện tăng 8,98%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 3,15% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2024, IIP ước tính tăng 8,43% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,80%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,52%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,27% so với cùng kỳ.

Hình 2. Chỉ số sản xuất công nghiệp 2 tháng đầu năm 2024
(So với cùng kỳ năm trước)



Trước và sau kỳ nghỉ Tết, nhiều doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố đã chủ động tăng cường sản xuất để kịp tiến độ cho các đơn hàng đã ký kết. Sau 2 tháng hoạt động sản xuất kinh doanh, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ, cụ thể: Tôm đông lạnh tăng 42,89%; thức ăn gia súc tăng 33,53%; thuốc lá có đầu lọc tăng 50,13%; bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác tăng 45,43%; quần áo may sẵn tăng hơn 2 lần²; phân khoáng và phân hóa học NPK hơn 3 lần; bao và túi

² Một số doanh nghiệp may mặc cũng nhận được đơn hàng gia công xuất đi Trung Quốc và Mỹ, nên các doanh nghiệp dự kiến tăng cường sản xuất ngay sau thời gian nghỉ Tết, vì vậy dự kiến sản lượng sản phẩm may mặc cũng khá quan hơn so với cùng kỳ năm trước.

(kể cả loại hình nan) từ plastic khác hơn 2 lần; sắt thép tăng 23,43% so với cùng kỳ³; đinh, đinh mũ, ghim dập tăng hơn 2 lần;...

Bên cạnh đó, còn một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ, cụ thể: Xay xát gạo giảm 2,46%; thức ăn thủy sản giảm 10,19%; bia đóng lon giảm 13,92%; nước ngọt (cocacola, 7 up, ...) giảm 1,75%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhân) giảm 5,44%... do, xay xát gạo chưa vào vụ thu hoạch; vì an toàn giao thông nên lượng tiêu thụ sản phẩm bia giảm nhất là trong dịp tết Nguyên đán.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 02/2024 ước giảm 19,20% so với tháng trước và giảm 12,27% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 2 tháng/2024, ước tăng 6,62% so với cùng kỳ. Một số ngành có mức tiêu thụ tăng cao, như: Sản xuất trang phục tăng 32,49%; dệt tăng 43,19%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác 44,63%; sản xuất sản phẩm thuốc lá 45,79%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 56,87%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng hơn 2 lần; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 2,6 lần. Bên cạnh đó, vẫn còn một số ngành có sản lượng tiêu thụ giảm, như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất đồ uống; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy;...

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/02/2024 tăng 20,68% so với tháng cùng kỳ và tăng 0,34% so với tháng trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so với tháng trước, như: Tôm đông lạnh; sản xuất sản phẩm thuốc lá; sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; thức ăn cho thủy sản; ... Ở chiều ngược lại, vẫn có nhiều ngành có chỉ số tồn kho giảm so với tháng trước, như: Gạo xay xát; sản xuất sắt, thép; sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); ...

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tháng 02/2024 nhìn chung ổn định so với tháng trước, lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 0,68%; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 0,24% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,41%. Theo thông tin của một doanh nghiệp sản xuất giày dép có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp dự kiến tuyển thêm lao động trong tháng 02 để kịp thực hiện đơn hàng giày dép cho đối tác.

3. Đầu tư

a) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai giảm 16,62% so với tháng trước, do tháng 02 trùng vào dịp tết Nguyên đán, công nhân được nghỉ Tết dài ngày. Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư tăng 10,32% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, các dự án

³ Sản xuất sắt thép vẫn duy trì ở mức cao để cung ứng cho thị trường Campuchia và thị trường trong nước, vì đây là thời điểm mùa xây dựng trong năm.

công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố vẫn duy trì nhịp độ thi công khẩn trương, sớm hoàn thành các hạng mục công trình.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng Hai ước tính đạt 409,59 tỷ đồng, giảm 16,62% so với tháng trước và giảm 6,55% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 267,58 tỷ đồng, giảm 17,47% và giảm 4,49%; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện thực hiện 142 tỷ đồng, giảm 14,97% và giảm 10,19%.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư ước thực hiện 900,81 tỷ đồng, tăng 10,32% so với cùng kỳ năm trước và đạt 11,28% kế hoạch năm 2024. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố thực hiện 591,80 tỷ đồng, tăng 14,14% so với cùng kỳ năm trước và đạt 11,60% kế hoạch năm; vốn ngân sách nhà nước cấp quận, huyện đạt 309,01 tỷ đồng, tăng 3,69% so với cùng kỳ và đạt 10,72% kế hoạch năm.

Hình 3. Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước 2 tháng đầu năm 2024
(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình thực hiện 2 dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn thành phố: (1) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, giai đoạn 1, dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ do Ban quản lý dự án làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư là 9.845 tỷ đồng, được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn năm 2024 là 1.500 tỷ đồng, hiện nay dự án đang gặp một số khó khăn, cụ thể thiếu nguồn cát san lấp, chưa triển khai thực hiện di dời đường điện cao thế, chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng... ;(2) Dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 đoạn ngang thành phố Cần Thơ - Hậu Giang, có tổng mức đầu tư hơn 10.370 tỷ đồng và chỉ có 1 gói thầu xây lắp. Hiện tại, tiến độ thi công đang chậm so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân do tiến độ di dời bãi rác và dự án bị thiếu nguồn cát san lấp. Đơn vị thi công đang quyết liệt thực hiện, thi công xuyên tết Nguyên đán để bù đắp tiến độ đang bị chậm so với kế hoạch ban đầu. Chủ đầu tư và nhà thầu đang

hoàn thiện hồ sơ để tiến hành khai thác cát san lấp, dự kiến sẽ tiến hành khai thác trong tháng 02/2024.

Một số Dự án trọng điểm sử dụng vốn đầu tư công: (1) *Dự án phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)*, có tổng mức đầu tư hơn 9.167 tỷ đồng (đã điều chỉnh), được thực hiện bằng nguồn vốn ODA, do Ban quản lý ODA làm chủ đầu tư. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 1.875,8 tỷ đồng. Các công trình thuộc dự án 3 sau khi hoàn thành sẽ góp phần chỉnh trang đô thị, chống ngập khu vực trung tâm thành phố, kết nối giao thông cũng như phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư đến với thành phố Cần Thơ; (2) *Dự án đường Vành đai phía Tây nối liền quốc lộ 91 và quốc lộ 61C* dự án do Sở Giao thông vận tải thành phố làm chủ đầu tư, có tổng mức đầu tư 3.837,7 tỷ đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 được giao 310 tỷ đồng (đã điều chỉnh). Hiện tại, dự án đang gặp khó khăn do thiếu nguồn cát san lấp, nhà thầu đang tập trung thi công các cầu trên tuyến. Dự kiến thông xe vào lễ Quốc khánh 02/9/2024; (3) *Dự án xây dựng cầu Tây Đô*, có tổng mức đầu tư là 225 tỷ đồng, do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, kế hoạch vốn năm 2024 được giao là 7,3 tỷ đồng. Những ngày giáp Tết Nguyên đán vừa qua, cầu đã được thông xe, phục vụ nhu cầu đi lại và giao thương của người dân. (4) *Dự án xây dựng cầu Cờ Đỏ*, có tổng mức đầu tư là 165,6 tỷ đồng, do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, kế hoạch vốn năm 2024 được giao là 12,66 tỷ đồng. Năm 2024 đã thông xe đơn nguyên 1, ngày 29/01/2024, công trình đã được hợp long và đã thông xe vào những ngày giáp Tết Nguyên đán vừa qua. Việc hoàn thành cầu Cờ Đỏ kết nối đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả khai thác của các tuyến đường tỉnh 919, đường tỉnh 922, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Cờ Đỏ nói riêng và thành phố Cần Thơ nói chung.

b) Thu hút đầu tư trong nước (ngoài khu công nghiệp): Tháng 02 năm 2024, thành phố chưa thu hút được dự án mới. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2024, có 01 dự án mới được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, vốn đầu tư đăng ký 150 tỷ đồng. Lũy kế đến hiện nay có 91 dự án được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đang triển khai thực hiện, tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.909,7 ha.

c) Thu hút vốn trực tiếp nước ngoài (FDI): Trong tháng 02 năm 2024, chưa cấp mới dự án. Lũy kế trên địa bàn thành phố hiện có 81 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 2.274,97 triệu USD (Trong khu công nghiệp 29 dự án, tổng vốn đăng ký 611,98 triệu USD; ngoài khu công nghiệp 52 dự án, tổng vốn đăng ký 1.662,99 triệu USD).

d) Tình hình đăng ký doanh nghiệp: Tháng 02 năm 2024, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 98 doanh nghiệp các loại hình với tổng vốn đăng ký 811,554 tỷ đồng. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2024, cấp mới đăng ký kinh doanh cho 195 doanh nghiệp, đạt 10,83% KH; tổng vốn đăng ký 1.481,49 tỷ đồng, đạt 11,4% KH. So cùng kỳ năm 2023, số doanh nghiệp đăng ký giảm 14,85% và số vốn đăng ký mới tăng 20,61%.

e) Công tác giải ngân: Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, tính đến ngày 21/02/2024, kết quả giải ngân kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công là 1.312,83/7.985,889 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 16,4% KH vốn thực hiện được Hội đồng nhân dân thành phố giao chi tiết. Trong đó, cấp thành phố giải ngân 1.040,186/5.103,268 tỷ đồng, đạt 20,4% KH; cấp quận huyện giải ngân 272,644/2.882,621 tỷ đồng, đạt 9,5% KH. Giải ngân chi tiết một số nguồn vốn: Nguồn xố số kiến thiết 11,6% KH, nguồn tiền sử dụng đất 5%, nguồn cân đối ngân sách địa phương 9,6%,...

4. Thương mại, dịch vụ, du lịch

Những ngày đầu tháng 02/2024 trùng với những ngày trước và trong tết Nguyên đán 2024, vì thế tại các chợ, các siêu thị, cửa hàng kinh doanh, ... sức mua tập trung mạnh vào các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trong những ngày Tết (thịt gia súc, thịt gia cầm, các mặt hàng nước uống đóng chai, thực phẩm đóng hộp, bánh kẹo...). Với các điểm hoạt động du lịch được chú trọng đầu tư không gian cùng mô hình mới; bên cạnh đó, nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng cũng xây dựng các chương trình đón năm mới đã thu hút đông đảo khách trong nước và quốc tế đến tham quan.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 02/2024, ước đạt 10.819,91 tỷ đồng, tăng nhẹ so với tháng trước (+0,29%) và tăng 13,96% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng năm 2024 ước đạt 21.608,88 tỷ đồng, tăng 11,39% so với cùng kỳ. Trong đó:

Bán lẻ hàng hóa: Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 02/2024 ước đạt 7.872,20 tỷ đồng, giảm 0,26% so với tháng trước và tăng 15,51% so với cùng kỳ. Trong đó, có 08 nhóm tăng mạnh so với cùng kỳ (dao động từ 13-33%) như: Ngành lương thực, thực phẩm tăng 33,30%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 25,38%; xăng, dầu các loại tăng 31,03%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 36,22%, do trong tháng 02/2024 có ngày Vía thần tài (mùng 10) nên nhu cầu mua sắm tăng cao;...

Tính chung 2 tháng, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 15.764,79 tỷ đồng, tăng 12,29% so với cùng kỳ. Trong đó, có 10 nhóm ngành hàng tăng và 02 nhóm ngành giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Doanh thu ngành lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất ước đạt 5.444,21 tỷ đồng, tăng 24,15% so với cùng kỳ; kế đến là ngành xăng, dầu các loại ước đạt 2.598,80 tỷ đồng, tăng 30,27%; ngoài ra còn một số ngành tăng như: Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 3,58%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 32,07%; ... Riêng ngành bán lẻ ô tô các loại giảm sâu (-41,90%), do sức mua trên thị trường vẫn chưa hồi phục như kỳ vọng của nhiều hãng xe, khách hàng mua xe vào cuối năm 2023 nhiều vì được ưu đãi về thuế trước bạ.

Lưu trú, ăn uống: Nhiều khách sạn, khu nghỉ dưỡng tại TP Cần Thơ tổ chức các chương trình trải nghiệm đón năm mới với đa dạng phong tục và văn hóa ẩm thực... phục vụ khách du lịch. Doanh thu lưu trú, ăn uống tháng 02/2024 ước đạt 1.373,88 tỷ đồng, tăng 6,55% so với tháng trước và tăng 15,75% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lĩnh vực lưu trú ước đạt 136,88 tỷ đồng, tăng

4,89% so với tháng trước và tăng 64,30% so cùng kỳ 2023; doanh thu lĩnh vực ăn uống ước đạt 1.237 tỷ đồng, tăng 6,74% so tháng trước và tăng 18,06% so cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2024, ước đạt 2.663,26 tỷ đồng, tăng 8,29% so với cùng kỳ, cụ thể: Dịch vụ lưu trú ước đạt 267,38 tỷ đồng, tăng 38,72% so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống ước đạt 2.395,89 tỷ đồng, tăng 8,37% so với cùng kỳ.

Du lịch lữ hành: Nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân và khách du lịch đến Cần Thơ trong dịp tết Nguyên đán, TP Cần Thơ đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi, giải trí có nội dung phong phú, đa dạng, nổi bật. Trong đó, huyện Phong Điền hiện là địa phương thu hút nhiều du khách dịp Tết năm nay khi có nhiều khu du lịch, điểm đến và các trải nghiệm mới khai trương. Tiêu biểu như Làng du lịch Mỹ Khánh đưa vào hoạt động khu công viên trò chơi Mỹ Khánh Color Park, nổi bật với trò chơi thả trượt cầu vòng đầu tiên ở ĐBSCL và khu vực phía Nam.

Doanh thu du lịch lữ hành tháng 02/2024 ước đạt 49,13 tỷ đồng, tăng 44,79% so với tháng trước và tăng 121,38% so cùng kỳ. Nguyên nhân doanh thu nhóm này tăng cao so tháng trước vì tháng này là tháng cao điểm cho các hoạt động du xuân; bên cạnh đó Tết năm trước rơi vào tháng Một, còn Tết 2024 nằm trong những ngày đầu tháng Hai, vì thế doanh thu so cùng kỳ tăng mạnh. Tính chung 2 tháng, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 83,07 tỷ đồng, tăng 109,03% so cùng kỳ.

Dịch vụ khác: Tình hình hoạt động của các ngành dịch vụ trong tháng Hai có xu hướng giảm so tháng trước, doanh thu dịch vụ ước đạt 1.524,70 tỷ đồng, giảm 3,07% so với tháng trước, tăng 3,74% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 2 tháng, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 3.097,75 tỷ đồng, tăng 8,30% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, hầu hết các ngành đều tăng so cùng kỳ như: Dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 3,07%; dịch vụ giáo dục và đào tạo tăng 5,83%; dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 17,50%;... Tuy nhiên, ngành kinh doanh bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi thị trường còn chưa phục hồi, sức mua yếu, doanh thu ước đạt 711,79 tỷ đồng, giảm 10,09% so cùng kỳ.

Hình 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 02 tháng đầu năm 2024 (So với cùng kỳ)



5. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Tình hình giá cả hàng hoá tháng Hai, do trùng vào dịp tết Nguyên đán nên giá cả một số loại hàng hoá có mức tăng/giảm đan xen tác động làm chỉ số giá chung của các loại hàng hoá dịch vụ tăng so với tháng trước. Sau Tết, tình hình cung cầu, giá cả thị trường cơ bản ổn định, tại chợ truyền thống giá các mặt hàng thiết yếu tăng theo quy luật. Tại các siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại mức giá cơ bản được giữ ổn định thậm chí còn được khuyến mãi giảm giá với nhiều hàng hóa khác nhau, từ lương thực thực phẩm, đồ uống cho đến đồ dùng gia đình và cả sản phẩm công nghệ... đều có chương trình khuyến mãi nhằm kích cầu tiêu dùng dịp sau Tết và ngày Lễ tình nhân 14/2.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2024 tăng 0,73% so với tháng trước; tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, tăng 0,97% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá bình quân 2 tháng/2024 tăng 2,86% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính tháng 02/2024, đa số các nhóm hàng hoá đều có chỉ số giá tăng và ổn định, duy nhất có 01 chỉ số nhóm hàng may mặc, mũ nón và giày dép có chỉ số giá giảm so với tháng trước.

Cụ thể như: Nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,69%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,44%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,31%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giao thông tăng 3,13%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,23%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,45%.

Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm 2% so với tháng trước.

Nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục có chỉ số giá ổn định so với tháng trước.

Các nguyên nhân tác động làm tăng/giảm giá CPI tháng 02 năm 2024

Hầu hết các nhóm hàng hoá đều có chỉ số giá tăng sau dịp tết Nguyên đán, nhóm có chỉ số giá tăng cao nhất là nhóm giao thông (chủ yếu là xăng dầu) do sự điều chỉnh giá xăng dầu của liên Bộ Công thương - Tài chính, kể đến là nhóm văn hoá giải trí và du lịch, chủ yếu do tăng giá của mặt hàng hoa tươi, cây cảnh do nhu cầu trưng bày dịp tết và dịp lễ Tình nhân 14/2 tăng cao. Nhóm du lịch trọn gói cũng có chỉ số tăng cao do nhu cầu đi du lịch, nhu cầu đi lại trong kỳ nghỉ tết tăng mạnh. Ngoài ra, nhóm lương thực thực phẩm và dịch vụ ăn uống cũng có chỉ số giá tăng 1% do nhu cầu mua sắm dịp tết tăng;...

Giá gas bán lẻ trong nước tháng 02/2024 tiếp tục tăng theo giá thế giới, đây là tháng thứ hai liên tiếp trong năm 2024, giá gas được điều chỉnh tăng. Nguyên nhân tăng giá lần này do hợp đồng giá gas thế giới bình quân tháng 02/2024 ở mức 635 USD/tấn, tăng 10 USD/tấn so với tháng 01/2024 nên Công ty Gas trong nước thực hiện điều chỉnh theo mức tăng tương ứng.

Kỳ điều chỉnh ngày 22/02, mỗi lít xăng giảm 320-360 đồng, các mặt hàng dầu (trừ mazut) cũng giảm từ 300 - 450 đồng. Nguyên nhân giảm do cơ quan năng lượng quốc tế, dự báo nhu cầu dầu trong năm nay sẽ giảm xuống thấp hơn

so với dự báo trước. Cục dự trữ liên bang Mỹ chậm cắt giảm lãi suất ảnh hưởng đến triển vọng nhu cầu dầu mỏ, Mỹ nâng giá đồng USD tác động tiêu cực lên giá dầu thế giới, căng thẳng tại khu vực Trung đông chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, xung đột tại khu vực Biển đỏ vẫn tiếp diễn ảnh hưởng đến hoạt động vận tải... các yếu tố trên khiến giá xăng dầu thế giới trong những ngày qua diễn biến tăng có, giảm có nhưng tính chung là giảm. Nên các doanh nghiệp trong nước điều chỉnh giá giảm theo chiều giá thế giới.

Chỉ số giá vàng tháng Hai tăng 1,75% so với tháng trước, tăng 4,05% so với tháng 12 năm trước và tăng 16,76% so với tháng cùng kỳ. Bình quân 2 tháng đầu năm, chỉ số giá vàng tăng 16,46% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Hai tăng 0,45% so với tháng trước, tăng 0,85% so với tháng 12 năm trước và tăng 3,88% so với tháng cùng kỳ. Bình quân 2 tháng đầu năm nay, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,71% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

Hình 5. Chỉ số giá tiêu dùng theo nhóm hàng bình quân 2 tháng so với cùng kỳ



6. Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông

Trong kỳ nghỉ tết Nguyên đán năm 2024, tình hình hoạt động vận tải ổn định, các đơn vị vận tải hành khách có kế hoạch tăng cường chuyến, lượt trong những ngày, giờ cao điểm trên các tuyến, số lượng phương tiện đảm bảo đủ để phục vụ hành khách đi lại. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 02/2024 tăng cao so với tháng trước (+15,50%), do tháng Hai là thời điểm Tết nên nhu cầu đi lại của người dân và vận chuyển hàng hóa cao. Tính chung 2 tháng, doanh thu ước tăng 7,60% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng 02/2024 ước đạt 549,99 tỷ đồng, tăng 15,50% so tháng trước và tăng 4,22% so với cùng kỳ. Tính chung 2 tháng, doanh thu ước đạt 1.026,16 tỷ đồng, tăng 7,60% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Vận tải hành khách ước đạt 289,16 tỷ đồng, tăng 0,24%; vận tải hàng hoá ước đạt 577,32 tỷ đồng, tăng 4,77%; dịch vụ

kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 118,99 tỷ đồng, tăng 41,06%; dịch vụ bưu chính, chuyển phát ước đạt 40,69 tỷ đồng, tăng 0,25% so cùng kỳ.

Hình 6. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát 02 tháng đầu năm 2024 (So với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Tháng 02/2024, số hành khách vận chuyển ước đạt 1.973,30 nghìn hành khách, tăng 17,97% so với tháng trước và tăng 6,51% so với cùng kỳ; số hành khách luân chuyển ước đạt 216.285,27 nghìn lượt hành khách.km, tăng 17,97% so tháng trước và tăng 4,30% so cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2024, số hành khách vận chuyển ước đạt 3.645,99 nghìn hành khách, tăng 2,88% so với cùng kỳ; số hành khách luân chuyển đạt 399.627,38 nghìn lượt hành khách.km, tăng 1,39% so với cùng kỳ năm trước.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 02/2024, ước đạt 1.527,06 nghìn tấn, tăng 0,31% so với tháng trước và tăng 5,12% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 208.006,63 nghìn tấn.km, giảm 3,67% so tháng trước, tăng 3,75% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2024, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 3.049,44 nghìn tấn, tăng 4,94% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 423.946,50 nghìn tấn.km, tăng 3,51% so với cùng kỳ.

Bưu chính, viễn thông: Doanh thu bưu chính, chuyển phát tháng 02/2024 ước đạt 18,43 tỷ đồng, giảm 17,18% so tháng trước và tăng 14,59% so với cùng kỳ. Tính chung 02 tháng năm 2024, doanh thu bưu chính, chuyển phát ước đạt 40,69 tỷ đồng, tăng 0,25% so cùng kỳ.

7. Tài chính, ngân hàng

a) Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách Nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đến ngày 20/02/2024 đạt 2.523,55 tỷ đồng, bằng 13,80% dự toán HĐND thành phố giao, tăng 7,47% so với cùng kỳ. Cụ thể một số khoản thu chính như sau:

- Thu nội địa đạt 1.608,49 tỷ đồng, bằng 13,31% so với dự toán HĐND thành phố giao, tăng 0,35% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước đạt 114,21 tỷ đồng, đạt 10,06% dự toán, giảm 61,04% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 521,11 tỷ đồng, đạt 19,07% dự toán, tăng 36,27% so với cùng kỳ; thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 227,54 tỷ đồng, đạt 19,79% dự toán, tăng 35,86% so với cùng kỳ.

- Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 16,98 tỷ đồng, bằng 5,34% so với dự toán HĐND thành phố giao, giảm 50,97% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến ngày 20/02/2024 đạt 2.428,15 tỷ đồng, bằng 13,88% dự toán HĐND thành phố giao, giảm 50,52% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi cho đầu tư phát triển đạt 1.421,18 tỷ đồng, đạt 14,60% dự toán (kể cả chi tạm ứng XD CB năm 2023 chuyển sang là 14,83 tỷ đồng), giảm 64,65% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên đạt 1.006,91 tỷ đồng, bằng 14,19% dự toán, tăng 13,53% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt 391,86 tỷ đồng, bằng 13,15% so với dự toán và tăng 22,12% so với cùng kỳ; chi cho sự nghiệp y tế đạt 53,87 tỷ đồng, bằng 14,22% so với dự toán và tăng 26,51% so với cùng kỳ.

Hình 7. Thu chi ngân sách nhà nước đến ngày 20/02/2024



b) Ngân hàng

Vốn huy động: Đến cuối tháng 02/2024, vốn huy động ước đạt 114.200 tỷ đồng, tăng 0,57% so với đầu tháng và giảm 3,02% so với đầu năm. Trong đó, vốn huy động VND là 111.700 tỷ đồng, chiếm 97,81%, tăng 0,52%; ngoại tệ là 2.500 tỷ đồng, chiếm 2,19%, tăng 2,67% so với đầu tháng; vốn huy động ngắn hạn từ 12 tháng trở xuống là 101.300 tỷ đồng, chiếm 88,70%, tăng 0,60%; vốn huy động trên 12 tháng là 12.900 tỷ đồng, chiếm 11,30%, tăng 0,27% so với đầu tháng.

Tổng dư nợ cho vay: Đến cuối tháng 02/2024, tổng dư nợ cho vay ước đạt 154.000 tỷ đồng, tăng 0,56% so đầu tháng và giảm 1,56% so với đầu năm. Nợ xấu là 3.700 tỷ đồng, chiếm 2,40% tổng dư nợ cho vay.

Phân theo loại tiền: Dư nợ cho vay VNĐ 146.600 tỷ đồng, chiếm 95,19%, tăng 0,54% so với đầu tháng; dư nợ cho vay ngoại tệ 7.400 tỷ đồng, chiếm 4,81% tổng dư nợ cho vay, tăng 1,02% so với đầu tháng.

Phân theo thời hạn: Dư nợ cho vay ngắn hạn 94.500 tỷ đồng, chiếm 61,36%, tăng 0,69% so với đầu tháng; dư nợ cho vay trung dài hạn 59.500 tỷ đồng, chiếm 38,64% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,36% so với đầu tháng.

Phân theo khối tổ chức tín dụng: Tổ chức tín dụng nhà nước 83.200 tỷ đồng, chiếm 54,03%, tăng 0,66% so với đầu tháng; tổ chức tín dụng ngoài nhà nước 70.800 tỷ đồng, chiếm 45,97% tổng dư nợ cho vay, tăng 0,45% so với đầu tháng.

Hình 8. Hoạt động ngân hàng đến cuối tháng 02/2024



8. Các vấn đề xã hội

a) Giáo dục và Đào tạo

Ban hành Kế hoạch “Giáo dục an toàn giao thông cho học sinh” giai đoạn 2024 - 2026 của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ; cuộc thi Viết thư quốc tế UPU lần thứ 53 năm 2024; Thông tư hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, tránh tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT mới: phối hợp với các Nhà xuất bản tổ chức giới thiệu sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 năm học 2024 - 2025 (được Bộ GD&ĐT phê duyệt).

Hướng dẫn và kiểm tra công tác chuẩn bị thi tốt nghiệp THPT năm 2024; kiểm tra công tác chuẩn bị thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024 - 2025 tại các quận, huyện.

Tổ chức khen thưởng học sinh đoạt giải tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia năm học 2023 - 2024; Hội nghị Cán bộ, công chức năm 2024; Hội nghị tập huấn tự đánh giá trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên năm học 2023 - 2024.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

Tình hình dịch bệnh: Tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024, thành phố Cần Thơ ghi nhận 112 trường hợp mắc sốt xuất huyết, tăng 66 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; tay chân miệng ghi nhận 146 trường hợp mắc, tăng 83 trường hợp so với tháng trước, không có tử vong; sởi và sốt phát ban nghi sởi không ghi nhận trường hợp mắc, không tăng giảm so với tháng trước; tiêu chảy 813 trường hợp, tăng 26,05% so với tháng trước.

Công tác phòng, chống dịch Covid-19: Trong tháng không ghi nhận trường hợp mắc.

Công tác y tế dự phòng khác: Sở Y tế ban hành Công văn số 364/KH-SYT ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc tăng cường công tác phòng, chống dịch dịp tết Nguyên đán và mùa lễ hội 2024.

Công tác phòng, chống HIV/AIDS: Lũy tích số người nhiễm HIV phát hiện được là 7.540 trường hợp. Trong đó, tử vong 2.722 trường hợp, số nhiễm HIV còn sống 4.818 trường hợp. Điều trị Methadone cho 319 trường hợp.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Trong tháng không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn thành phố.

c) Văn hóa, thể dục, thể thao (VHTTDL)

Văn hóa: Tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động VHTTDL kỷ niệm ngày lễ, sự kiện của đất nước và thành phố. Đặc biệt, tổ chức kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024) và các hoạt động “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”.

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 đối với xã Trường Xuân B, xã Thới Thạnh, xã Thới Tân, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố thực hiện 02 chương trình “Chuyện Văn hóa” tuyên truyền về xây dựng người Cần Thơ; Báo Cần Thơ thực hiện 06 chuyên trang “Văn hóa cơ sở” tuyên truyền về xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

Thư viện: Tổ chức khai mạc Hội Báo Xuân và Cuộc thi Ấn phẩm Xuân Giáp Thìn 2024 thành phố Cần Thơ có 350 đại biểu tham dự⁴. Cuộc thi Ấn

⁴ Tại trụ sở số 01 Phan Đình Phùng, phường Tân An, quận Ninh Kiều diễn ra Hội Báo Xuân phục vụ từ ngày 01/02/2024 đến ngày 04/3/2024, xuyên suốt tất cả các ngày Tết, với trên 200 loại ấn phẩm xuân thuộc các lĩnh vực: chính trị - xã hội; kinh tế - khoa học kỹ thuật; văn hóa - nghệ thuật; ấn phẩm xuân dành cho thiếu nhi; báo xuân của các tỉnh/thành; ấn phẩm xuân của các quận/huyện và cơ quan, ban, ngành thành phố Cần Thơ. Thư viện thành phố hỗ trợ 23 tên/758 bản báo xuân cho 83 thư viện xã, phường, thị trấn. Đồng thời, tại 09 thư viện quận, huyện và 83 thư viện xã, phường, thị trấn trên toàn địa bàn thành phố tổ chức trưng bày báo xuân kết hợp với các

phẩm Xuân Giáp Thìn 2024 có 08 quận, huyện và 05 cơ quan, ban ngành, đoàn thể tham gia. Ra mắt và phục vụ tập thông tin chuyên đề “Thành phố Cần Thơ - Dấu ấn 20 năm xây dựng và phát triển (2004 - 2024).

Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa: Tổ chức phục vụ khách tham quan tại Bảo tàng thành phố, di tích lịch sử Khâm lớn Cần Thơ, Đền thờ Vua Hùng thành phố Cần Thơ thu hút 19.825 lượt khách. Tổ chức Chương trình “Sắc xuân miệt vườn” năm 2024.

Hoạt động nghệ thuật (liên hoan, hội thi, hội diễn): Tổ chức Liên hoan “Ca nhạc, ca cổ, tiêu phẩm Xuân” thành phố Cần Thơ lần thứ XIV năm 2024, từ ngày 22/01 - 26/01/2024, tại công viên bên Ninh Kiều, kết quả trao 50 giải, thu hút lượng khán giả từ 500 - 800 lượt người/đêm. Phối hợp tổ chức chương trình văn nghệ và chương trình họp mặt kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024); Chương trình nghệ thuật đặc biệt “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024” và Chương trình nghệ thuật phục vụ nhân dân chờ xem pháo hoa giao thừa - Countdown 2024.

Nhà hát Tây Đô: Tổ chức biểu diễn 04 suất và phục vụ khoảng 1.600 lượt người xem.

Thể dục, thể thao (TDTT): Ban hành Kế hoạch tổ chức Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” kết hợp tổ chức tháng hoạt động thể dục, thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2024 và Giải Việt dã thành phố Cần Thơ lần thứ III năm 2024; Kế hoạch và Điều lệ Giải Việt dã thành phố Cần Thơ lần thứ III năm 2024.

Tổ chức Giải Xe đạp thể thao thành phố Cần Thơ mở rộng “Mừng Đảng quang vinh - Mừng xuân Giáp Thìn năm 2024”, ngày 28/01/2024 (nhằm ngày 18/12/2023 Âm lịch), tại Công viên sông Hậu có 259 VĐV đến từ 28 CLB Xe đạp thể thao thuộc các tỉnh, thành và 06 quận, huyện thuộc thành phố Cần Thơ tham gia.

Tổ chức Giải Lân Sư Rồng thành phố Cần Thơ mở rộng “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”, từ ngày 03 - 04/02/2024 (nhằm ngày 24 - 25/12 Âm lịch), tại Công viên Lưu Hữu Phước với 300 vận động viên của 15 đoàn trong và ngoài thành phố về tham dự.

Thể thao thành tích cao: Tổ chức Giải Đua xe mô tô 125cc - 150cc toàn quốc năm 2024, tại sân vận động Cần Thơ.

d) Chính sách lao động - xã hội

Lĩnh vực lao động: Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ đã thực hiện tư vấn việc làm, chính sách việc làm và học nghề cho 15.520 lượt người, giới thiệu việc làm trong và ngoài nước cho 1.249 lượt người, cung ứng lao động trong và ngoài nước cho 217 lượt người; thông qua các hình thức như:

gián tiếp qua email, tổng đài điện thoại, nhóm Quản trị nhân sự Cần Thơ, mạng xã hội Zalo và Facebook của Trung tâm, Cổng thông tin Việc làm Cần Thơ, mã QR của Trung tâm; trực tiếp tại Ngày hội việc làm Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, điểm tư vấn việc làm cho người lao động tại “Chợ Tết Công đoàn năm 2024” tại quận Thốt Nốt, Điểm Tư vấn việc làm cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương năm 2024. Thực hiện thu thập 1.196 chỗ việc làm trống của doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, thu thập thông tin của 595 lượt lao động có nhu cầu tìm việc cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu. Số lượng hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp là 743 hồ sơ, giảm 17,26% so với tháng trước.

Thực hiện chính sách Người có công: Toàn thành phố hiện có 5.043 đối tượng người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên với tổng kinh phí gần 11 tỷ đồng; trong đó có 23 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, tất cả các Mẹ đều đã được các đơn vị nhận phụng dưỡng. Phối hợp các quận, huyện tổ chức đưa Bà Mẹ Việt Nam anh hùng tham dự họp mặt tại Hội trường Thành ủy nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024) và “Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Giáp Thìn 2024”.

Lĩnh vực xã hội: Đoàn Lãnh đạo Thành ủy thăm, chúc Tết, tặng quà 900 gia đình (720 gia đình chính sách tiêu biểu và 180 gia đình hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) thuộc 9/9 quận, huyện, mỗi phần quà trị giá 01 triệu đồng (tiền mặt) với tổng kinh phí 900 triệu đồng. Tham mưu UBND thành phố chỉ đạo UBND quận, huyện tổ chức thăm, chúc Tết, tặng quà chúc thọ mừng thọ 73 cụ cao tuổi thọ 100 tuổi nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 (Quà thăm, chúc thọ mỗi cụ cao tuổi gồm: Thiệp mừng thọ của Chủ tịch nước, 0,8 triệu đồng tiền mặt và 05 mét vải lụa, tổng kinh phí: 108,8 triệu đồng; Quà Tết gồm: 1,6 triệu đồng/người, tổng kinh phí 308,8 triệu đồng và các phần quà vận động khác).

Công tác trợ cấp Tết từ ngân sách cho các đối tượng trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024

Thành phố Cần Thơ⁵ đã tổ chức thăm, tặng quà Tết cho 63.472 lượt đối tượng với tổng kinh phí 68,877 tỷ đồng; trong đó: ngân sách Trung ương tặng quà Tết cho 8.708 người, số tiền 2,656 tỷ đồng; ngân sách thành phố tặng quà Tết cho 54.764 người, số tiền 66,221 tỷ đồng (mức trợ cấp cao nhất là 1,6 triệu đồng/người và thấp nhất là 01 triệu đồng/người).

Thành phố đẩy mạnh xã hội hóa để chung tay chăm lo Tết cho người dân thành phố với phương châm “nhà nhà đều có Tết, người người đều có Tết”. Ngoài các phần quà từ nguồn ngân sách, các địa phương, các tổ chức, đoàn thể đã vận động xã hội hóa trợ giúp 78.299 phần quà (trung bình mỗi phần quà trị giá trên 0,4 triệu đồng) cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng yếu thế

⁵ Theo báo cáo từ các quận, huyện.

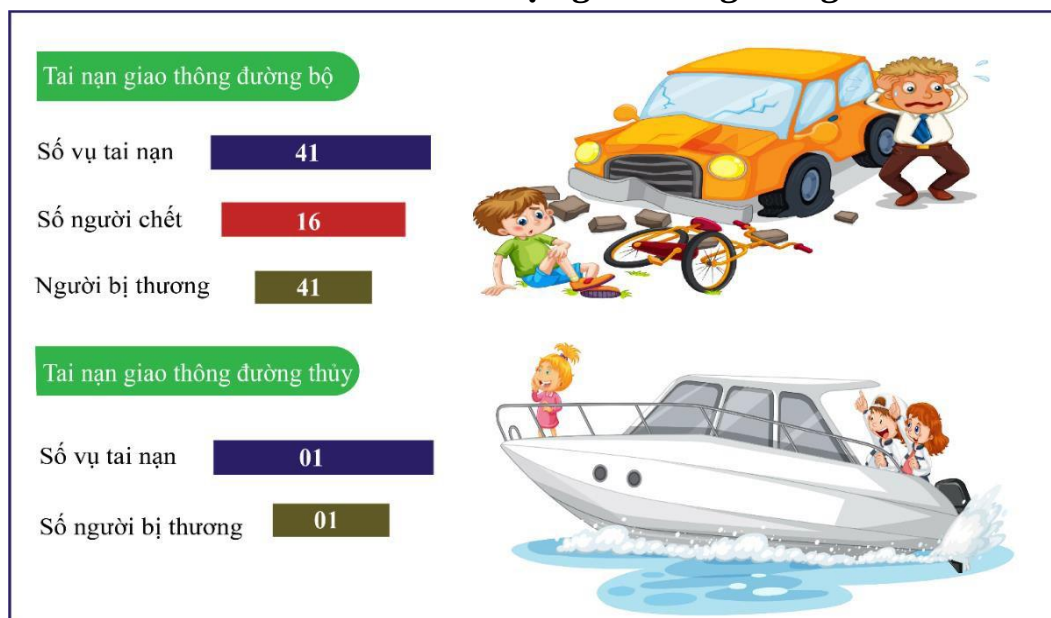
khác (người cao tuổi không nơi nương tựa, với tổng số tiền trên 32,955 tỷ đồng. Ngoài ra, thành phố còn vận động 11 tỷ đồng xây dựng nhà ở cho người nghèo thành phố Cần Thơ (trong đó, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam là 10 tỷ đồng). Riêng Ngành LĐ-TB&XH thành phố Cần Thơ đã vận động 30 căn nhà tình nghĩa với kinh phí 2,1 tỷ đồng; 54 phần quà (tiền mặt) cho 54 hộ nghèo dân tộc thiểu số với số tiền 108 triệu đồng; 05 tấn gạo thơm (02 tấn trao tặng người nghèo xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ; 02 tấn trao tặng người nghèo huyện Thới Lai; 01 tấn cho 100 trẻ em Câu lạc bộ Tuổi Hồng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo); 400 phần quà gồm nhu yếu phẩm (sữa, mì gói, hạt nêm, nước mắm,...) cho 400 trẻ em mồ côi, cơ nhỡ, thuộc hộ nghèo,... Đoàn thanh niên Sở LĐ-TB&XH thành phố Cần Thơ trao tặng 01 tấn gạo và 100 phần nhu yếu phẩm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã Trường Thắng, huyện Thới Lai.

Tổng số tiền ngân sách và vận động xã hội hóa chăm lo cho các đối tượng trên địa bàn thành phố nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên 115, 041 tỷ đồng với 141.842 lượt đối tượng được hỗ trợ (bao gồm hỗ trợ nhà ở, tiền mặt, gạo, nhu yếu phẩm,...).

e) Tình hình tai nạn giao thông và cháy nổ

Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ (từ ngày 15/01/2024 đến ngày 14/02/2024) trên địa bàn thành phố đã xảy ra 42 vụ tai nạn giao thông: 41 vụ tai nạn giao thông đường bộ, chết 16 người, 41 người bị thương (tăng 23 vụ so với cùng kỳ); 01 vụ tai nạn giao thông đường thủy, 01 người bị thương (số vụ tương đương cùng kỳ). Lũy kế 02 tháng xảy ra 84 vụ tai nạn giao thông, làm 30 người chết, 79 người bị thương.

Hình 9. Tình hình tai nạn giao thông tháng 02/2024



Tình hình cháy, nổ tháng 02/2024 (từ ngày 15/01/2024 đến 14/02/2024) trên địa bàn thành phố Cần Thơ xảy ra 02 vụ cháy (tương đương so với cùng kỳ), làm bị thương 04 người, thiệt hại về tài sản khoảng 528,5 triệu đồng. Lũy

kế 02 tháng xảy ra 04 vụ, 04 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 1.028,5 triệu đồng./.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTHK;
- Thành ủy, UBND TP Cần Thơ;
- CTK các tỉnh ĐBSCL và các TP T.thuộc TW;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn TP Cần Thơ;
- Cơ quan Thông tấn, báo chí;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Ban Lãnh đạo Cục (để b/cáo);
- Các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Thống kê;
- Chi cục Thống kê các khu vực và Chi cục Thống kê quận Ninh Kiều;
- Website Cục Thống kê;
- Phần mềm quản lý tài liệu;
- Lưu: VT, TKTH.



1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 02 tháng năm 2024

	Đơn vị tính	Ước tính 02 tháng năm 2024	02 tháng năm 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)
1 Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	108,43
2 Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Triệu đồng	900.814	110,32
3 Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Triệu đồng	21.608.876	111,39
4 Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	102,86
5 Doanh thu hoạt động ngành vận tải	Triệu đồng	1.026.155	107,60
6 Tổng thu ngân sách nhà nước (Lũy kế đến ngày 20/02/2024)	Triệu đồng	2.523.554	107,47
7 Tổng chi ngân sách địa phương (Lũy kế đến ngày 20/02/2024)	Triệu đồng	2.428.147	49,48

2. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 02 năm 2024

	Ha; %		
	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Diện tích gieo trồng cây hàng năm			
Lúa	75.028	72.813	97,05
Lúa đông xuân	75.028	72.813	97,05
Các loại cây khác	4.570	4.003	87,59
Ngô	262	285	108,78
Rau, đậu các loại	3.695	3.140	84,98
Cây màu khác	613	578	94,29

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp

20

				%
	Thực hiện tháng 01/2024 so với cùng kỳ	Ước tính tháng 02/2024 so với tháng trước	Ước tính tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2024 với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	118,87	93,12	99,09	108,43
Khai khoáng	-	-	-	-
Khai thác than cứng và than non	-	-	-	-
Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên	-	-	-	-
Khai thác quặng kim loại	-	-	-	-
Khai khoáng khác	-	-	-	-
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	-	-	-	-
Công nghiệp chế biến, chế tạo	123,33	91,65	96,41	108,80
Sản xuất chế biến thực phẩm	118,05	98,80	104,66	110,99
Sản xuất đồ uống	107,07	76,43	85,53	96,54
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	270,06	87,97	99,77	150,13
Dệt	153,45	98,00	121,02	135,48
Sản xuất trang phục	254,04	90,85	144,34	186,54
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	103,21	65,23	42,48	65,97
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế);	...	...	...	...
sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	...	...	...	...
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	89,34	85,64	78,54	84,01
In, sao chép bản ghi các loại	124,97	93,70	77,79	96,62
Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	...	...	...	...
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	113,21	82,69	86,77	99,49
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	153,08	70,69	69,04	101,77
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	141,13	85,90	112,30	126,17
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	105,70	94,80	95,38	100,41
Sản xuất kim loại	182,64	78,44	87,34	123,43
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	601,90	98,64	121,13	202,60
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	...	...	...	...
Sản xuất thiết bị điện	...	...	...	...
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	143,43	86,62	52,27	79,27
Sản xuất xe có động cơ	...	...	...	...
Sản xuất phương tiện vận tải khác	...	...	...	...
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	422,26	75,01	179,18	267,01
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	141,12	71,06	69,84	99,10
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	...	...	...	...
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	106,12	98,36	108,98	107,52
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	114,32	91,10	96,85	105,27
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	108,63	95,11	103,72	106,18
Thoát nước và xử lý nước thải	...	...	...	...
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	118,19	88,59	92,73	104,69
Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	...	...	...	...

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 01/2024	Ước tính tháng 02/2024	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2024	Tháng 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối 02/2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tên sản phẩm						
(Theo ngành sản phẩm mới)						
- Phi lê đông lạnh	Tấn	20.528	18.500	39.028	92,75	111,13
- Tôm đông lạnh	Tấn	2.469	2.367	4.836	146,46	142,89
- Xay xát gạo	Tấn	265.360	301.092	566.452	106,16	97,54
- Thức ăn gia súc	Tấn	38.141	30.600	68.741	107,85	133,53
- Thức ăn thủy sản	Tấn	53.583	68.314	121.896	94,08	89,81
- Bia đóng lon	1.000 Lít	3.376	2.560	5.936	65,37	86,08
- Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1.000 Lít	22.652	17.333	39.985	89,46	98,25
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	1.000 Lít	...	...	...	...	...
- Thuốc lá có đầu lọc	1.000 Bao	12.231	10.760	22.991	99,77	150,13
- Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1.000 Cái	2.327	2.100	4.427	95,89	145,43
- Quần áo may sẵn	1.000 Cái	581	524	1.105	168,49	223,42
- Phân khoáng và phân hóa học NPK	Tấn	102	50	152	111,11	338,82
- I nung, nẹp băng đĩa cứng (trư đĩa nhân)	1000 chiếc	2.558	2.192	4.749	90,30	94,56
- Dược phẩm chứa hoc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu viên	788	526	1.314	66,92	104,20
- Bao và túi (kể cả loại hình nan) từ plastic khác	Tấn	1.276	896	2.171	180,72	225,64
- Xi măng	1.000 Tấn	142	136	277	96,65	100,33
- Sắt thép	Tấn	10.824	8.491	19.316	87,34	123,43
- Đinh, đinh mũ, ghim dập	Tấn	1.201	1.185	2.386	121,13	202,60
- Điện thương phẩm	Triệu KWh	241	199	440	89,88	108,28
- Nước uống được	1.000 M3	4.880	4.641	9.521	103,72	106,18
- Rác thải không độc hại đã thu gom không thể tái chế	Tấn	17.898	18.750	36.648	216,95	235,30

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý

	Triệu đồng; %					
	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện tháng 01 năm 2024	Ước tính tháng 02 năm 2024	Ước tính 02 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm trước	
					Tháng 02 năm 2024	02 tháng năm 2024
TỔNG SỐ	7.986.729	491.228	409.586	900.814	93,45	110,32
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	5.103.268	324.219	267.584	591.803	95,51	114,14
Vốn cân đối ngân sách tỉnh	888.577	52.518	45.246	97.764	88,63	92,91
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	660.302	30.035	28.812	58.847	341,78	375,66
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1.890.000	142.331	114.530	256.861	100,03	128,60
Vốn nước ngoài (ODA)	40.160	3.847	4.214	8.061	40,83	51,18
Xổ số kiến thiết	1.068.731	67.876	54.830	122.706	66,67	76,05
Vốn khác	1.215.800	57.647	48.764	106.411	221,10	292,03
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	2.883.461	167.009	142.002	309.011	89,81	103,69
Vốn cân đối ngân sách huyện	2.151.352	113.960	95.234	209.194	107,67	125,92
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	1.509.698	53.516	48.230	101.746	110,04	127,03
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	732.109	53.049	46.768	99.817	67,14	75,68
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	-	-	-	-	-	-
Vốn cân đối ngân sách xã	-	-	-	-	-	-
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-	-
Vốn khác	-	-	-	-	-	-

6. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	7.892.598	7.872.196	15.764.794	115,51	112,29
Lương thực, thực phẩm	2.670.574	2.773.640	5.444.214	133,30	124,15
Hàng may mặc	253.491	246.133	499.624	88,95	93,19
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	850.529	826.460	1.676.989	106,28	103,58
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	121.059	109.550	230.609	125,38	132,07
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.098.898	993.010	2.091.908	99,12	103,57
Ô tô các loại	415.186	327.514	742.700	54,18	58,10
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	321.941	307.534	629.475	118,31	115,88
Xăng, dầu các loại	1.276.049	1.322.753	2.598.803	131,03	130,27
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	99.925	98.759	198.684	113,48	114,90
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	382.739	472.799	855.538	136,22	115,97
Hàng hóa khác	265.763	259.265	525.029	157,95	153,05
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	136.442	134.780	271.221	113,24	115,51

7. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác

	Triệu đồng				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	1.289.385	1.373.878	2.663.263	115,75	108,29
Dịch vụ lưu trú	130.500	136.877	267.377	164,30	138,72
Dịch vụ ăn uống	1.158.885	1.237.001	2.395.885	118,06	108,37
Du lịch lữ hành	33.935	49.134	83.069	221,38	209,03
Dịch vụ khác	1.573.047	1.524.703	3.097.750	103,74	108,30

8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 02/2024 so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	112,10	103,01	100,97	100,73	102,86
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	117,81	103,62	101,14	101,00	103,15
Trong đó:					
Lương thực	133,06	116,78	101,72	100,91	116,41
Thực phẩm	114,42	101,11	100,28	100,96	100,68
Ăn uống ngoài gia đình	118,20	103,40	102,36	100,99	102,91
Đồ uống và thuốc lá	110,02	102,79	100,73	100,69	102,44
May mặc, mũ nón và giày dép	103,18	98,46	97,92	98,00	99,52
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	110,94	102,60	101,01	100,44	102,83
Thiết bị và đồ dùng gia đình	110,02	101,23	100,28	100,31	101,16
Thuốc và dịch vụ y tế	105,09	104,19	100,04	100,01	104,18
Trong đó: Dịch vụ y tế	105,90	104,98	100,00	100,00	104,98
Giao thông	113,27	101,79	103,36	103,13	101,57
Bưu chính viễn thông	95,47	97,95	100,00	100,00	97,95
Giáo dục	106,13	104,57	100,47	100,00	104,57
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	104,60	104,57	100,52	100,00	104,57
Văn hoá, giải trí và du lịch	105,50	107,27	102,31	101,23	106,62
Hàng hóa và dịch vụ khác	122,26	110,67	100,82	100,45	110,49
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	164,66	116,76	104,05	101,75	116,46
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,80	103,88	100,85	100,45	103,71

9. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

					<i>Triệu đồng</i>
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	549.991,06	1.026.155,32	115,50	104,22	107,60
Vận tải hành khách	183.227,02	289.160,63	172,96	105,92	100,24
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	78.149,05	78.280,11	59.627,54	99,15	76,48
Đường thủy nội địa	3.919,78	7.348,60	114,32	121,98	118,46
Đường bộ	101.158,19	203.531,92	98,81	111,21	113,13
Hàng không				-	
Vận tải hàng hóa	288.078,34	577.317,32	99,60	103,76	104,77
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	4.612	8.347	123,49	147,09	129,40
Đường thủy nội địa	71.555,43	142.772,04	100,48	103,45	101,79
Đường bộ	211.910,62	426.197,97	98,89	103,20	105,41
Hàng không	-	-	-	-	-
Kho bãi, DV hỗ trợ vận tải	60.253,49	118.988,86	102,58	100,35	141,06
Bưu chính, chuyển phát	18.432,21	40.688,50	82,82	114,59	100,25

10. Vận tải hành khách và hàng hóa của địa phương

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.973,30	3.645,99	117,97	106,51	102,88
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	238,39	238,78	60.295,78	99,46	76,85
Đường thủy nội địa	728,68	1.356,66	116,03	111,19	106,51
Đường bộ	1.006,24	2.050,54	96,35	105,07	104,65
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	216.285,27	399.627,38	117,97	104,30	101,39
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	41.033,43	41.102,25	59.630,79	97,75	75,64
Đường thủy nội địa	1.462,31	2.790,58	110,09	131,12	131,10
Đường bộ	173.789,53	355.734,55	95,52	105,79	105,34
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	1.527,06	3.049,44	100,31	105,12	104,94
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	10,67	19,69	118,16	146,41	128,74
Đường thủy nội địa	696,32	1.369,37	103,46	107,25	104,50
Đường bộ	820,08	1.660,38	97,59	103,00	105,08
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	208.006,63	423.946,50	96,33	103,75	103,51
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	8.507	15.273	125,74	146,78	129,42
Đường thủy nội địa	94.992	189.732	100,27	102,11	100,45
Đường bộ	104.507,96	218.941,62	91,33	102,80	104,81
Hàng không	-	-	-	-	-

11. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn

	TH 01 tháng năm 2024 (Triệu đồng)	TH 20 ngày tháng 02 năm 2024 (Triệu đồng)	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 02 năm 2024 (Triệu đồng)	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.213.144	310.410	2.523.554	13,80	107,47
I. Thu nội địa	1.417.212	191.282	1.608.494	13,31	100,35
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước	95.511	18.703	114.213	10,06	38,96
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	223.707	3.830	227.537	19,79	135,86
3. Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	423.096	98.016	521.112	19,07	136,27
4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	139.891	37.999	177.890	14,70	70,74
6. Lệ phí trước bạ	42.227	10.249	52.476	10,93	88,24
7. Thuế bảo vệ môi trường	59.238	8.262	67.500	10,38	83,40
8. Thu phí, lệ phí	49.205	4.398	53.603	25,53	112,78
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.177	668	4.845	14,00	97,55
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	8.828	120	8.947	5,11	712,57
11. Thu tiền sử dụng đất	57.418	-3.627	53.791	2,48	84,40
12. Thu tiền bán nhà, KH, thuê nhà thuộc SHNN	852	-	852	1,70	337,43
13. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	216	-	216	1,80	106,68
14. Thu khác ngân sách	29.408	10.314	39.722	15,28	118,53
15. Thu cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-
16. Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	283.440	2.353	285.793	15,88	132,01
II. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	8.104	8.875	16.979	5,34	49,03
B. Thu vay để bù đắp bội chi theo hạn mức được duyệt	-	110.252	110.252	4,98	7.661,74
C. Các khoản huy động, đóng góp	488	-	488	-	16,12
D. Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW	787.285	-	787.285	24,61	111,53
E. Thu hoàn trả các cấp ngân sách	55	-	55	-	15,80

12. Chi ngân sách Nhà nước địa phương

	TH 01 tháng năm 2024 (Triệu đồng)	TH 20 ngày tháng 02 năm 2024 (Triệu đồng)	Lũy kế TH đến 20 ngày tháng 02 năm 2024 (Triệu đồng)	Lũy kế TH so với dự toán HĐND TP năm 2024 (%)	Lũy kế TH so với cùng kỳ (%)
Tổng chi ngân sách địa phương	1.667.675	760.472	2.428.147	13,88	49,48
I. Chi đầu tư phát triển	1.057.945	363.236	1.421.181	14,60	35,35
II. Chi thường xuyên	609.675	397.236	1.006.911	14,19	113,53
Trong đó:					
- Chi quốc phòng và an ninh:	25.183	10.237	35.420	18,07	120,44
+ Quốc phòng	19.548	9.371	28.919	19,83	120,86
+ An Ninh	5.635	866	6.501	12,95	118,61
- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	198.818	193.040	391.858	13,15	122,12
- Sự nghiệp y tế	27.174	26.692	53.866	14,22	126,51
- Chi đảm bảo xã hội	130.028	22.334	152.362	34,00	107,86
- Chi quản lý hành chính	98.513	42.995	141.508	16,79	110,07
- Chi khác ngân sách	15.466	835	16.301	4,64	21,73
- Chi ngân sách xã	60.699	54.666	115.365	15,88	124,10
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
III. Dự phòng ngân sách	-	-	-	-	-
IV. Chi trả nợ lãi	-	-	-	-	-
V. Chi trả nợ gốc	-	-	-	-	-
VI. Chi hoàn trả ngân sách cấp trên	55	-	55	-	-

	%				
	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	42	84	100,00	221,05	221,05
Đường bộ	41	83	97,62	227,78	224,32
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1	1	-	100,00	100,00
Số người chết (Người)	16	30	114,29	145,45	120,00
Đường bộ	16	30	114,29	160,00	125,00
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	42	79	113,51	323,08	376,19
Đường bộ	41	78	110,81	315,38	371,43
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	1	1	-	-	-
Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	4	100,00	-	400,00
Số người chết (Người)	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	4	4	-	-	400,00
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	528,50	1.028,50	105,70	-	-